

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 21-6-2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trị.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/ 2018/TLST- HNGĐ ngày 30/5/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/6/2018 của Toà án nhân dân huyện D, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Chị Võ Thị H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Chị H có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Anh Chế T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Z, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Chị và anh Chế T tổ chức đám cưới vào năm 2013, sau khi đám cưới chị và anh T chung sống với gia đình anh T, nhưng đến năm 2014 khi chị đang mang thai thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị với anh T và gia đình chồng, nên chị đã về nhà cha mẹ đẻ ở huyện R, tỉnh Quảng Ngãi để sống. Đến ngày 01/4/2015, chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng chị vẫn sống tại nhà cha mẹ đẻ để sinh con và tự nuôi con, anh T không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị. Đến năm 2016, vì muốn con có gia đình đầy đủ cha mẹ nên

chị đưa con về chung sống với anh T, nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh T không lo làm việc và chăm sóc cho con, khi uống rượu về nhà là anh T chửi xúc phạm chị, cha mẹ chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Mặc dù đã có lần anh T hứa hẹn với chị sẽ sửa chữa khuyết điểm, nhưng thực tế anh T vẫn không thay đổi. Vì vậy, đến đầu năm 2018 chị đưa con về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ cho đến nay. Chị và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chế T.

- Về con: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Chế Võ Thanh V, sinh ngày 23/6/2015, hiện nay con đang ở với chị. Chị làm nghề buôn bán quần áo của gia đình nên có thu nhập khoảng 6.000.000đồng/tháng, vì vậy chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị chưa yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai và cũng không có ai nợ của chị và anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Chế T trình bày:

Việc kết hôn, có con chung giữa anh và chị Võ Thị H theo như chị H đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, đôi lúc anh uống rượu về có nói lớn tiếng xúc phạm chị H và cha mẹ chị H, nên anh và chị H cãi vã nhau và cũng đã nhiều lần chị H bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở huyện R, tỉnh Quảng Ngãi sống. Đến đầu năm 2018, chị H tiếp tục đưa con về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của chị H, kể từ đó đến nay anh và chị H phân ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, anh cũng không đến thăm chị H và con. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về nuôi con: Anh và chị H có một người con là cháu Chế Võ Thanh V, sinh ngày 23/6/2015. Mặc dù thời gian qua con ở với chị H nhiều hơn ở với anh và anh không có việc làm ổn định, nhưng nếu ly hôn, anh vẫn yêu cầu được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ ai và cũng không có ai nợ của anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chị

Võ Thị H được ly hôn với anh Chế T; Giao con chung là cháu Chế Võ Thanh V, sinh ngày 23/6/2015 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh T không yêu cầu, nên không xem xét. Về án phí: Chị Võ Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Chế T, anh T có nơi cư trú ở huyện D, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Võ Thị H và anh Chế T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01/4/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Võ Thị H có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, nên chị H đã nhiều lần về phía cha mẹ đẻ sống. Qua xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã S đã cung cấp thông tin việc chị H và anh T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, do anh T hay uống rượu về xúc phạm chị H và chị H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Từ đầu năm 2018 đến nay chị H và anh T đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Anh T cho rằng anh còn thương yêu vợ con, nhưng thực tế trong suốt thời gian chị H đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay anh T không đến thăm chị H và con, anh T cũng không có biện pháp gì nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với anh T. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Chế T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con: Chị Võ Thị H và anh Chế T có một người con là cháu Chế Võ Thanh V, sinh ngày 23/6/2015, chị H yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con và anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay cháu Chế Võ Thanh V dưới 36 tháng tuổi, thời gian vừa qua cháu V đã sinh sống ổn định cùng với chị H; chị H có việc làm và có thu nhập, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Chế Võ Thanh V cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, vì vậy anh Chế T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị H và anh Chế T đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con giữa chị H và anh T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H được ly hôn anh Chế T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Chế Võ Thanh V, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2015 cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chế T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Chế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000544 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình